**Chương 1. Tổng quan về nông nghiệp**

**Phần I. Chọn phương án đúng**

**1. Đối tượng của sản xuất nông nghiệp tồn tại ở mấy mức độ?**

a. 1 b. 2

c. 3 d. 4

**2. Nền nông nghiệp nước ta là nền nông nghiệp?**

a. Nhiệt đới b. Ôn đới

c. Nhiệt đới, có pha trộn tính chất ôn đới d. Hàn đới

**3. Sản phẩm của sản xuất nông nghiệp được hình thành trong giai đoạn nào của quá trình sản xuất tạo ra năng suất?**

a. Giai đoạn đầu b. Giai đoạn giữa

c. Giai đoạn cuối d. Trong suốt quá trình

**4. Để đảm bảo an ninh lương thực cần thực hiện các nội dung nào?**

a. Bảo đảm tính sẵn có của lương thực

b. Khả năng tiếp cận lương thực của người dân

c. Sự ổn định, an toàn, chất lượng của lương thực

d. Cả 3 nội dung trên

**5. Sự an toàn và chất lượng của lương thực được thể hiện qua những nội dung nào?**

a. Độ dinh dưỡng của lương thực b. Chất lượng và vệ sinh lương thực

c. Tỷ lệ suy dinh dưỡng và thiếu chất do lương thực d. Cả 3 nội dung trên

**6. Để đảm bảo tính sẵn có về lương thực, cần đảm bảo những nội dung nào?**

a. Sản lượng lương thực b. Diện tích trồng trọt

c. Các chỉ tiêu về xuất nhập khẩu lương thực d. Cả 3 nội dung trên

**7. Theo thống kê của FAO, thiệt hại toàn cầu về lương thực chiếm bao nhiêu phần trăm sản lượng?**

a. < 15 % b. 15 – 20 %

c. 20 – 30 % d. > 30 %

**8. Lượng lương thực bị bỏ phí hoặc tổn thất năm 1995 có thể nuôi sống bao nhiêu người?**

a. 100 triệu người b. 150 triệu người

c. 200 triệu người d. 250 triệu người

**9. Trước những năm 70, tổn thất trong bảo quản chiếm bao nhiêu phần trăm?**

a. < 15 % b. 15 – 20 %

c. 20 – 34 %d. > 34 %

**10. Khi bảo quản nông sản bằng phương pháp đông lạnh, thì nhiệt độ được hạ xuống bao nhiêu?**

a. -100C b. -150C

c. -180Cd. -200C

**11. Bảo quản nông sản thực phẩm bằng giảm pH, thì hàm lượng axit hữu cơ được cho vào thực phẩm ít nhất là bao nhiêu?**

a. 1 % b. 2 %

c. 3 % d. 4 %

**12. Nông sản phơi nắng thường có thủy phần là bao nhiêu?**

a. < 5 % b. 5 – 9 %

c. 10 – 35 %d. 36 – 40 %

**13. Nồng độ cồn thấp nhất có tác dụng bảo quản là bao nhiêu?**

a. 5 % b. 8 %

c. 10 % d. 15 %

**14. Phương pháp tiệt trùng UHT sử dụng nhiệt độ bao nhiêu?**

a. 1200C b. 1400C

c. 1600C d. 1800C

**15. Bảo quản ở trạng thái kín đòi hỏi những yêu cầu kỹ thuật nào?**

a. Kho tàng, phương tiện chứa đựng nông sản phải kín.

b. Thiết bị kho tàng phải đảm bảo chống nóng, chống ẩm tốt

c. Phẩm chất ban đầu của hạt nông sản phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, độ lẫn tạp thấp nhất và tuyệt đối không có sâu mọt phá hại

d. Cả 3 yêu cầu trên

**16. Ở nông thôn có bao nhiêu phần trăm lao động xã hội?**

a. Gần 50 % b. Gần 60 %

c. Gần 70 %d. Gần 80%

**17.Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn là do đòi hỏi của?**

a. Nền kinh tế thị trườngb. Người dân

c. Nhà nước d. Cả 3 nội dung trên

**18. Trong giai đoạn hiện nay, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp là gì?**

a. Tăng cường phát triển dịch vụ

b. Phát triển công nghiệp

c. Phát triển du lịch

d. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn

**19. Hình thức canh tác nào phá hoại môi trường mạnh mẽ nhất?**

a. Du canh tiến triểnb. Du canh theo hình thức luân canh

c. Du canh bổ trợ d. Nông nghiệp định canh

**20. Nông nghiệp định canh gồm những loại hình nào?**

a. Nông nghiệp chuyên môn hóa b. Nông nghiệp hỗn hợp

c. Nông nghiệp định canh ở vùng núi d. Cả 3 loại hình trên

**21. Ở Việt Nam hiện nay có mấy hình thức nuôi tôm?**

a. Nuôi tôm quảng canh b. Nuôi tôm bán thâm canh

c. Nuôi tôm thâm canh d. Cả 3 hình thức trên

**22. Các nguồn lợi của tự nhiên để phát triển nông nghiệp bền vững là gì?**

a. Tiềm năng về khí hậu b. Tiềm năng về đất đai

c. Tài nguyên nước d. Cả 3 phương án trên

**23. Theo Tổng cục Thống kê thì diện tích đất nông nghiệp ở Việt Nam năm 2012 là bao nhiêu ha?**

a. 24.280.500 b. 25.280.500

c. 26.280.500d. 27.280.500

**24. Việt Nam có bao nhiêu vùng sinh thái nông nghiệp?**

a. 5 b. 6

c. 7d. 8

**25.Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành tiêu chuẩn về sản xuất nông nghiệp hữu cơ và chế biến vào năm nào?**

a. 2000 b. 2002

c. 2004 d. 2006

**26. “Dự án phát triển nông nghiệp hữu cơ” ở Việt Nam được bắt đầu từ năm nào?**

a. 2003 b. 2004

c. 2005 d. 2006

**27. Cây trồng và vật nuôi chỉ có thể tồn tại và phát triển khi có đủ mấy yếu tố cơ bản của tự nhiên?**

a. 3 b. 4

c. 5d. 6

**28. Nét đặc thù điển hình nhất của sản xuất nông nghiệp là gì?**

a. Mang tính thời vụ cao

b. Mang tính khu vực rõ rệt

c. Đối tượng là các loài sinh vật

d. Nền nông nghiệp nước ta có tính nhiệt đới, pha trộn ôn đới

**29. Nông nghiệp có những vai trò nào?**

a. Vai trò về kinh tế b. Vai trò về xã hội

c. Vai trò về môi trường d. Cả 3 đáp án trên

**30. An ninh lương thực có những vai trò nào?**

a. Đáp ứng nhu cầu tồn tại của con người và giảm đói nghèo trên thế giới

b. Vai trò của an ninh lương thực với tăng trưởng kinh tế

c. Vai trò ổn định chính trị - xã hội của an ninh lương thực

d. Cả 3 vai trò trên

**31. Tổn thất nông sản sau thu hoạch ước tính bao nhiêu phần trăm sản lượng cây trồng?**

a.< 10% b. 10 – 15 %

c. 10 – 30 %d. > 30%

**32. Đối với ngũ cốc, tổn thất sau thu hoạch ở các nước đang phát triển ước tính là bao nhiêu?**

a. 20 % b. 25 %

c. 30 % d. 35 %

**33. Hạt tự bốc nóng thì hao hụt về trọng lượng là bao nhiêu?**

a. 1 – 3 % b. 3 – 8 %

c. 9 – 10 % d. > 10 %

**34. Công tác bảo quản nông sản phải giải quyết được những yêu cầu chính nào?**

a. Đảm bảo hao hụt thấp nhất về trọng lượng

b. Hạn chế sự thay đổi về chất lượng

c. Chi phí giá thành thấp nhất trên một đơn vị sản phẩm bảo quản

d. Cả 3 yêu cầu trên

**35. Vai trò của bảo quản nông sản là gì?**

a.Bảo quản giống để đảm bảo cho quá trình tái sản xuất mở rộng

b. Đảm bảo cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến

c. Bảo quản bán thành phẩm sơ chế và sơ chế bảo quản tại chỗ trong điều kiện của những xí nghiệp công nông nghiệp liên hợp

d. Cả 3 vai trò trên

**36. Nông sản sấy thăng hoa thường có thủy phần là bao nhiêu?**

a. 2 %b. 3 %

c. 5 % d. 7 %

**37. Bảo quản nông sản bằng cách thêm muối vào nông sản, thì hàm lượng thêm vào ít nhât là bao nhiêu?**

a. 15 % b. 20 %

c. 30 % d. 33 %

**38. Phương pháp bảo quản nào không làm thay đổi chất lượng cảm quan của nông sản?**

a. Thêm muối b. Giảm pH của nông sản, thực phẩm

c. Lên men d. Đóng gói chân không

**39. Để làm bay hơi 1 kg nước cần bao nhiêu kcalo?**

a. 450 b. 500

c. 540 d. 550

**40. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp phụ thuộc vào các nhóm nhân tố nào?**

a. Nhóm nhân tố tự nhiên b. Nhóm nhân tố về kinh tế và tổ chức

c. Nhóm nhân tố về kỹ thuật d. Cả 3 nhóm nhân tố trên

**41. Công nghiệp sản xuất nông sản, thực phẩm bằng phương pháp lên men chiếm bao nhiêu phần trăm tổng giá trị công nghiệp thực phẩm thế giới?**

a. 5 – 10 % b. 10 – 15 %

c. 15 – 20 %d. 20 – 25 %

**42. Nội dung của chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn là gì?**

a. Chuyển dịch cơ cấu theo ngành

b. Chuyển dịch cơ cấu theo vùng lãnh thổ

c. Chuyển dịch cơ cấu theo thành phần kinh tế

d. Cả 3 nội dung trên

**43. Phương thức của canh tác của nông nghiệp du canh là gì?**

a. Chặt b. Đốt

c. Gieo trồng d. Cả 3 phương án trên

**44. Ở Việt Nam có những hình thức nông nghiệp du canh nào?**

a. Du canh tiến triển b. Du canh theo hình thức luân canh

c. Du canh bổ trợ d. Cả 3 hình thức trên

**45. Trong canh tác điều kiện tiên quyết để sản xuất lương thực và các sản phẩm khác đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của con người trong hiện tại cũng như trong tương lai là gì?**

a. Bảo vệ được tài nguyên đất và nướcb. Bảo vệ tài nguyên nước

c. Bảo vệ tài nguyên đất d. Tăng năng suất

**46. Nguyên tắc trong phát triển nông nghiệp bền vững là gì?**

a. Đảm bảo tính bền vững môi trường và sinh vật

b. Đảm bảo tính bền vững về kinh tế và xã hội

c. Đảm bảo tính bền vững theo không gian và thời gian

d. Cả 3 nguyên tắc trên

**47. Nguồn tài nguyên được coi là quan trọng nhất của khí hậu nước ta là gì?**

a. Chế độ mưa b. Chế độ nhiệt

c. Nắng và bức xạ d. Độ ẩm không khí

**48. Nguyên liệu sản xuất trong sản xuất nông nghiệp là gì?**

a. Cây trồng b. Vật nuôi

c. Các vi sinh vật d. Cả 3 phương án trên

**49. Tại sao đầu tư vào nông nghiệp chưa hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài?**

a. Vì nông nghiệp sinh lợi thấp b. Vì nông nghiệp sinh lợi chậm

c. Nông nghiệp có nhiều rủi ro d. Cả 3 nguyên nhân trên

**50. Nguyên nhân lớn nhất hạn chế đến sản xuất nông nghiệp bền vững ở miền núi là gì?**

a. Du canh b. Du cư

c. Di dân tự do d. Cả 3 đáp án trên

**51. Độ sâu làm đất trong nông nghiệp hữu cơ là bao nhiêu cm?**

a. 10 – 15 b. 15 - 20

c. 20 – 25 d. 25 – 30

**52**. **Kỹ thuật thủy sinh được thử nghiệm đầu tiên vào năm nào?**

a. 1980 b. 1985

c. 1987 d. 1990

**Phần II. Đúng sai**

**53.** Những người du mục hoàn toàn đều không có nhà cửa cố định và không tiến hành bất cứ một hoạt động trồng trọt nào.

**54**. Nông nghiệp định canh là hoạt động sản xuất nông nghiệp được tiến hành trền những vùng, khu vực, hay mảnh đất cố định qua các năm.

**55**. Cơ cấu kinh tế nông thôn là tỷ lệ giữa các ngành, các lĩnh vực kinh tế có quan hệ chặt chẽ với nhau tác động qua lại lẫn nhau

**56**. Sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ cao.

**57**. Nông nghiệp định canh không tưới là hình thức canh tác hoàn toàn phụ thuộc vào nước trời.

**58**. Nguyên tắc bảo quản nông sản bằng phương pháp lạnh là dùng nhiệt độ thấp làm tê liệt các hoạt động của vi sinh vật, côn trùng.

**59**. Bảo quản nông sản ở trạng thái thoáng là để khối hạt trực tiếp tiếp xúc với nhiệt độ thấp.

**60**. Đặc điểm của nông nghiệp hữu cơ bảo vệ và cải thiện môi trường không khí.

**61**. Những người du mục bán hoàn toàn kết hợp với trồng trọt và chăn nuôi.

**62**. Nông nghiệp du canh là phương thức sản xuất gắn liền với hệ thống chăn nuôi được di chuyển từ vùng này sang vùng khác.

**63**. Trong nền kinh tế hiện đại, nông nghiệp trở thành sản xuất hàng hóa

**64**. Nông nghiệp hữu cơ là xu thế tất yếu nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm tối thiểu tác động tích cực đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.

**65**. Bảo quản nông sản ở trạng thái kín là đình chỉ trao đổi không khí giữa nông sản với môi trường bên ngoài, giữ cho nông sản luôn ở trạng thái an toàn.

**66**. Sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ thấp.

**67**. Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là cơ thể sống – cây trồng và vật nuôi.

**68**. Nông nghiệp hữu cơ là nền nông nghiệp hoạt động trong giới hạn khả năng của con người trong quy hoạch không vượt quátiềm năng sinh học để đảm bảo sản xuất bền vững.

**Phần III. Phần điền khuyết**

**69.** Nông nghiệp là một loạt hoạt động của con người được tiến hành trước hết là để sản xuất ra lương thực, sợi, củi đốt, cũng như các vật liệu khác, bằng sự cân nhắc kỹ lưỡng và sử dụng có ***…………………………..***

**70.** Như vậy ở đâu có ***………………..***thì ở đó có thể tiến hành sản xuất nông nghiệp

**71.** Trong nông nghiệp, ***……………………*** là tư liệu sản xuất chủ yếu không thể thay thế được.

**72.** Quá trình sản xuất nông nghiệp trải rộng trên ***…………………..*** và kéo dài theo………… ***.***

**73.** Hao hụt về trọng lượng là sự giảm trọng lượng ở sản phẩm khi bảo quản có thể xảy ra do hậu quả của các hiện tượng……………. và các hiện tượng ***…………..***

**74.** Trong nền kinh tế thị trường, các quan hệ kinh tế đều được…………..

**75.** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn là do yêu cầu của ***…………………………….*** nông nghiệp nông thôn.

**76.** Sự phát triển kinh tế của nước ta trong những năm đổi mới đã tạo đà cho nông nghiệp và kinh tế nông thôn bắt nhịp vào quá trình chuyển sang ……………………***.***

**77.** Nông nghiệp du mục là một phương thức sản xuất nông nghiệp mà chủ yếu gắn liền với ***……………………*** được di chuyển liên tục từ vùng này sang vùng khác.

**78.** Kỹ thuật thủy sinh (hay còn gọi là thủy chủng) là kỹ thuật trồng cây trong ***…………………….,*** không cần đất.

**79.** Nông nghiệp bền vững sử dụng những đặc tính vốn có của cây trồng, vật nuôi, cây rừng kết hợp với đặc trưng của cảnh quan và cấu trúc, trên những diện tích ***…………………***

**80.** Việt Nam thuộc vùng khí hậu nhiệt đới Bắc bán cầu, địa hình trải dài từ vĩ tuyến***……………….*** tạo thành nhiều vùng sinh thái khác nhau, các điều kiện tự nhiên phong phú, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp phát.

**81.** Mục đích hàng đầu của nông nghiệp hữu cơ là***……………………..***của quần thể đất, cây, động vật và con người.

**82.** Nông nghiệp hữu cơ lá nền nông nghiệp hoạt động trong giới hạn khả năng của thiên nhiên trong quy hoạch không vượt quá***……………….***để đảm bảo sản xuất bền vững.

**83. Hãy điền vào chỗ trống?**

Nông nghiệp hữu cơ là…………………. nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm tối thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.

**84**. Nông nghiệp là nguồn thu …………………..quan trọng ở nhiều quốc gia

**85.** Do điều kiện đất đai khí hậu không giống nhau giữa các vùng đã làm cho nông nghiệp mang tính ***……………………..***

**86.** Năng suất nông nghiệp là cái cần thiết cho…………….chứ không phải là cái cần thiết cho***……………...***

**87.** Nền nông nghiệp nước ta là nền nông nghiệp ***……………,*** có pha trộn tính chất ôn đới, nhất là ở miền Bắc và được trải rộng trên 4 vùng rộng lớn, phức tạp: Trung du, miền núi, đồng bằng và ven biển.

**88.** An ninh lương thực của Việt Nam là việc có ***…………………***lương thực cho toàn dân trên phạm vi toàn quốc cả trước mắt và lâu dài để không ai bị đói và mọi người đều được hưởng cuộc sống năng động và khoẻ mạnh.

**89.** Cơ cấu kinh tế nông nghiệp là một tổng thể bao gồm các mối quan hệ tương quan giữa các yếu tố của …………….và ………………..thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp trong khoảng thời gian và điều kiện kinh tế xã hội cụ thể.

**90.** Cơ cấu kinh tế nông thôn là tỷ lệ giữa các ngành, các lĩnh vực kinh tế có quan hệ chặt chẽ với nhau tác động qua lại lẫn nhau trong những điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội được thể hiện cả ***………………………***

**91.** Du canh là sự thay đổi nơi sản xuất từ vùng này sang vùng khác, từ khu đất này sang khu đất khác sau khi ***………………..***đã nghèo kiệt.

**92.** Ở du canh bổ trợ, người nông dân không chỉ canh tác nương rẫy mà còn biết canh tác cả ***…………….***

**93.** Nông nghiệp định canh không nước tưới là hình thức canh tác hoàn toàn phụ thuộc vào*……………****.***

**94.** Nông nghiệp công nghệ cao là hướng áp dụng ***………………………..***vào sản xuất nông nghiệp, được tiến hành theo những quy trình nghiêm ngặt như trong công nghiệp, năng suất cây trồng, vật nuôi cao và chất lượng sản phẩm tốt.

**95.** Vấn đề nghèo đói vẫn còn tồn tại ở nước ta hiện nay, để xóa đói giảm nghèo chúng ta đã giúp các hộ đói nghèo theo kinh nghiệm truyền thống là ***…………………...***

**96.** Nông nghiệp hữu cơ là nền nông nghiệp ***……………………..*** việc sử dụng thuốc trừ sâu và phân bón hoá học và thay thế vào đó là việc sử dụng các chất có nguồn gốc hữu cơ, các tác nhân sinh học, giảm bớt đầu tư, nâng cao hiệu quả kinh tế và môi trường.

**97.** Bảo quản nông sản ở trạng thái thoáng là để khối hạt trực tiếp tiếp xúc với ***………………..,*** nhằm đảm bảo độ ẩm và nhiệt độ khối hạt thích hợp, đồng thời có thể điều chỉnh được hai thông số trên trong những điều kiện cụ thể, đảm bảo an toàn cho khối hạt.

**98.** Bảo quản nông sản ở trạng thái kín là……………….. trao đổi không khí giữa nông sản với môi trường bên ngoài, giữ cho nông sản luôn ở trạng thái an toàn.

**99.** Nguyên tắc bảo quản nông sản bằng phương pháp lạnh là dùng nhiệt độ thấp làm ………………….các hoạt động của vi sinh vật, côn trùng.

**100**. Nông nghiệp cung cấp ……………………đầu vào cho nhiều ngành kinh tế khác

**Chương II. Nguyên lý cơ bản về kỹ thuật trồng trọt**

**Phần I. Chọn phương án đúng**

**101. Đặc điểm của luân canh chuyên nghiệp là gì?**

 a. Cây công nghiệp b. Cây đặc sản

 c. Cây bồi dưỡng đất d. Cả a, b và c

**102. Luân canh cây trồng cạn với cây trồng cạn áp dụng ở các vùng?**

 a. Vùng có tưới b. Khô hạn, vùng cao và canh tác nhờ nước trời. c. Vùng có đầu tư thâm canh cao. d.Vùng trũng, cây trồng cạn

**103. Trồng xen là gì?**

 a. Bố trí 2 hoặc hơn 2 cây trồng cùng nhau.

 b. Bố trí 3 loại cây trồng trở lên trong một không gian.

 c. Bố trí nhiều loại cây khác nhau

 d. Bố trí các loại cây theo thứ tự.

**104. Điều kiện để bố trí trồng xen:**

 a. Không gian sống, sinh khối cây b. Mật độ trồng , sinh trưởng cây

 c. Không gian, mật độ và kết cấu cây, thời gian sinh trưởng cây.

 d. Cả a và b, c

**105. Tác dụng của bừa đất là:**

 a. Làm vụn, xốp đất, nhuyễn đất, mềm đất. b. Làm phẳng đất, làm sạch cỏ dại

 c. Cả a và b d. Làm tơi đất, phẳng đất.

**106. Trong canh tác điều kiện tiên quyết để sản xuất lương thực và các sản phẩm khác đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của con người trong hiện tại cũng như trong tương lai là gì?**

a. Bảo vệ được tài nguyên đất và nước b. Bảo vệ tài nguyên nước

c. Bảo vệ tài nguyên đất d. Tăng năng suất

**107. Làm đất hợp lý cần đảm bảo các tiêu chí sau:**

 a. Độ vụn hợp lý và độ chặt hợp lý. b. Cày sâu hợp lý.

 c. Bừa, cày hợp lý. d. Làm đất hợp lý.

**108. .Đặc điểm sinh học của cỏ dại là:**

a. Cỏ dại có khả năng chống chịu cao với điều kiện ngoại cảnh bất lợi:

b. Cỏ dại có nhiều hình thức sinh sản.

 c. Cỏ dại có khả năng tái sinh mạnh

 d. Cả a, b và c

**109. Biện pháp kiểm tra độ lẫn của hạt cỏ trong hạt giống cây trồng gọi là:**

 a. Biện pháp canh tác b. Biện pháp cơ lý học, sinh học

 c. Biện pháp kiểm dịch thực vật d. Biện pháp hóa học.

**110. Yêu cầu của luân canh là gì?**

 a. Hệ số sử dụng đất cao, chu kỳ luân canh ngắn.

 b. Hệ số sử dụng đất cao, chu kỳ luân canh dài.

 c. Diện tích canh tác rộng.

 d. Thời gian luân canh ngắn.

**111. Vấn đề quan trọng và cần thiết trong hệ thống luân canh là:**

 a. Mối quan hệ của các loại cây trồng

b. Xác định được đúng vị trí các loại cây trồng trên đồng ruộng.

c. Xác định thời gian cũng như không gian trên đồng ruộng.

d. Cả a, b và c

**112. Các hình thức luân canh:**

 a. Luân phiên và thay đổi b. Trồng thuần và xen canh

 c. Không gian và thời gian. d. Xen canh và gối vụ.

**113. Luân canh chu kỳ ngắn:**

 a. Dưới 3 năm b. 1 năm c. 2 năm d. 3-5 năm

**114. Luân canh chu kỳ dài:**

 a. 1-2 năm b. Cây công nghiệp. c. Cả và b d. Cây công nghiệp ngắn ngày.

**115. Đặc điểm của luân canh cơ bản là gì?**

 a. Trồng cây công nghiệp là chủ yếu b. Cây lương thực là chủ yếu

 c. Cây màu là chủ yếu d. Cả a, b và c

**116. Hệ thống luân canh là gì?**

 a. Công thức luân canh được lặp lại nhiều lần.

 b. Công thức luân canh được bố trí giống nhau trên vùng sản xuất.

 c. Công thức luân canh được bố trí khác nhau trên đồng ruộng.

 d. Các công thức luân canh được bố trí trên đồng ruộng.

**117. Mục đích cuối cùng của luân canh là gì?**

 a. Tăng năng suất cây trồng mang lại lợi nhuận cao nhất.

 b. Tăng tổng sản lượng cây trồng mang lại lợi nhuận cao nhất.

 c. Cải thiện năng suất cây trồng.

 d. Bảo vệ môi trường.

**118. Tác dụng của luân canh là gì?**

 a. Điều hòa nước và dinh dưỡng trong đất.

 b. Cải tạo và bồi dưỡng đất

 c. Chống xói mòn và tăng năng suất cây trồng.

 d. Cả a,b,c

**119. Ảnh hưởng chung của làm đất đến đất**

a. Độ xốp, Độ ẩm b. Không khí, nhiệt độ, độ ẩm

c. Mùn, kết cấu viên đất, độ phì. d. Cả a, b và c

**120. Các hạt đất liên kết với nhau bằng lực rất lớn vì vậy trong làm đất gọi là?**

 a. Tính liên kết b. Tính tạo hình c. Tính dòn d. Tính dính

**121. Tác dụng của cày đất là:**

 a. Tách, lật đất b. làm vụn đất c. Cả a và b d. Độ vụn tăng, độ xốp tăng, tốn ít nhiên liệu

**122. Tác dụng của bừa đất là:**

 a. Làm vụn, xốp đất, nhuyễn đất, mềm đất. b. Làm phẳng đất, làm sạch cỏ dại

 c. Cả a và b d. Làm tơi đất, phẳng đất.

**123. Làm đất hợp lý cần đảm bảo các tiêu chí sau:**

 a. Độ vụn hợp lý và độ chặt hợp lý. b. Cày sâu hợp lý.

 c. Bừa, cày hợp lý. d. Làm đất hợp lý.

**124. Hệ thống cây trồng là gì?**

 a. Thành phần các loại cây trồng.

 b. Tỷ lệ các loại cây trồng.

 c. Bố trí theo không gian và thời gian trong vùng sản xuất.

 d. a, b và c

**125. Xây dựng hệ thống cây trồng phải đạt được các mục tiêu sau:**

a. Lợi dụng tốt các điều kiện tự nhiên, đất đai, cây trồng và hạn chế sâu bệnh hại.

 b. Lợi dụng các ưu thế của điều kiện khí hậu.

 c. Phát huy tối ưu các điều kiện sinh trưởng của cây trồng.

 d. Tránh được các điều kiện cỏ dại và sâu bệnh hại.

**126. Luân canh là gì?**

a. Bố trí cây trồng theo cơ cấu nhất định trong một không gian nhất định.

b. Là thay đổi cây trồng theo không gian và thời gian trong một chu kỳ nhất định.

 c. Luân phiên cây trồng theo không gian sống.

 d. Thay đổi cơ cấu cây trồng theo vùng sản xuất.

**127. Chu kỳ luân canh là gì?**

 a. Là quá trình lặp lại của hệ thống luân canh.

 b. Là thời gian cây trồng sống trong công thức luân canh.

 c. Là quá trình đầu tư cho cây trồng trong hệ thống luân canh.

 d. Cả a, b và c.

**128. Có mấy kiểu trồng xen:**

 a. 4 b. 3 c. 2 d. 1

**129. Quan hệ theo thời gian giữa cây trồng trước với cây trồng sau hoặc với cả chu kỳ luân canh được biểu hiện thông qua nội dung về:**

 a. Thời vụ và sâu bệnh hại. b. Về dinh dưỡng hai cây liên tiếp

c. Vị trí của cây trồng trước, cây trồng sau. d. Cả a, b và c

**130. Quan hệ giữa các loại cây trồng theo không gian trong luân canh về:**

 a. Về sâu bệnh hại b. Về kỹ thuật

c. Về môi trường và điều kiện sống d. Cả a, b và c

**131. Những biện pháp vật lý làm thay đổi nhiều mặt đến trạng thái lớp đất canh tác gọi là?**

 a. Cày đất. b. Bừa đất c. Làm đất d. Cày bừa nhiều lần.

**132. Ảnh hưởng chung của làm đất đến đất**

a. Độ xốp, Độ ẩm b. Không khí, nhiệt độ, độ ẩm

c. Mùn, kết cấu viên đất, độ phì. d. Cả a, b và c

**133. Các hạt đất liên kết với nhau bằng lực rất lớn vì vậy trong làm đất gọi là?**

 a. Tính liên kết b. Tính tạo hình c. Tính dòn d. Tính dính

**134. Tác dụng của cày đất là:**

 a. Tách, lật đất b. làm vụn đất c. Cả a và b d. Độ vụn tăng, độ xốp tăng, tốn ít nhiên liệu

**135. Làm đất dựa trên cơ sở đảm bảo sự mọc mầm, sinh trưởng tốt và năng suất cao hơn năng suất của cây trồng đồng thời giảm đến mức thấp nhất sự tác động gia công đến đất gọi là :**

 a. Làm đất hợp lý b. Làm đất tối thiểu

 c. Cày sâu hợp lý. d. Bừa, cày hợp lý.

**136. Những thực vật sống trên đồng ruộng ngoài mục đích trồng trọt của con người, có đặc điểm sinh học đặc biệt ảnh hưởng xấu đến sinh trưởng và năng suất cây trồng gọi là:**

a. Cây dại b. Cỏ dại c. Cây nông nghiệp d. Cây rừng

**137. Tác hại của cỏ dại là:**

 a. Cỏ dại đã và đang gây tổn thất lớn cho sản xuất nông nghiệp

 b. Cỏ dại cạnh tranh yếu tố sinh trưởng của cây

 c. Cỏ dại là ký chủ của sâu bệnh,giảm năng suất cây trồng và chất l­ượng sản phẩm.

 d. Cả b và c

**138. Nguyên nhân gây bệnh hại là gì?**

a. Côn trùng b, Sâu hại c. Vi khuẩn, vi rút, nấm d. Thiên địch.

**139. Khi phối hợp hài hòa các biện pháp riêng biệt dựa trên cơ sở hiểu biết nền sinh thái một cách hợp lý, nhằm tạo giữ cho sâu bệnh hại dưới ngưỡng kinh tế gọi là:**

 a. Biện pháp hóa học b. Biện pháp canh tác

 c. Biện pháp cơ giới vật lý d. Biện pháp phòng trừ tổng hợp IPM

**140. Có mấy nguyên tắc cơ bản của biện pháp IPM phòng trừ sâu bệnh hại:**

 a. 3 b. 4. c. 5 d. 6

**141. Chỉ ra các loại bệnh hại cây trồng sau:**

 a. Bọ xít chích hút b. Cuốn lá nhỏ

 c. Gỉ sắt, sương mai, lở cổ rể d. Rệp sáp.

**142. Một số kỹ thuật trong nông nghiệp vừa có tác động tốt đến cây trồng vừa có tác dụng diệt cỏ gọi là:**

 a. Biện pháp canh tác b. Biện pháp kiểm dịch thực vật

 c. Biện pháp cơ lý học, sinh học d. Biện pháp hóa học.

**143. Biện pháp dùng nhiệt độ cao diệt cỏ dại ảnh hưởng đến cây trồng gọi là:**

 a. Biện pháp canh tác b. Biện pháp kiểm dịch thực vật

 c. Biện pháp cơ lý học. d. Biện pháp hóa học.

**144. Biện pháp dùng thuốc diệt cỏ dại ảnh hưởng đến cây trồng gọi là:**

 a. Biện pháp IPM. b. Biện pháp hóa học.

 c. Biện pháp cơ lý học. d. Biện pháp kiểm dịch thực vật

**145. Chỉ ra các loại bệnh hại cây trồng sau:**

 a. Rệp, rầy cám. b. Đục thân, cuốn lá.

 c. Bệnh chổi rồng trên sắn. d. Bọ cánh cứng

**Phần II. Đúng sai**

**146**. Làm đất không làm tăng thêm nước một cách trực tiếp mà chỉ làm tăng sự tiếp nhận nước và giúp cây tận dụng nước.

**147**. Làm đất không hợp lý có thể làm tăng độ phân tán đất, tăng xói mòn, tăng cỏ dại.

**148**. Cày sâu có tác dụng cải tạo thành phần cơ giới đất khi lớp đất tầng sâu và bên dưới khác nhau.

**149**. Trong quẩn thể cỏ dại, các loài cỏ cũng cạnh tranh lẫn nhau và luôn tạo ra một trạng thái cân bằng.

**150. Hệ thống cây trồng là sốcây trồng được bố trí theo không gian và thời gian trong một cơ sở, vùng sản xuất nông nghiệp.**

**151**. Trong xen canh việc quản lý sâu bệnh và cỏ dại giống so với trồng thuần.

**152**. Bằng công cụ hoặc bằng máy móc làm đất có thể tách, lật, đảo, trộn đất, làm vụn xốp hoặc làm nhuyễn đất khá nhanh theo yêu cầu của trồng trọt.

**Phần III. Điền khuyết**

**153**. Thành phần ………….. trong luân canh tùy thuộc theo mục tiêu của sản xuất và mục đích thu sản phẩm, sử dụng sản phẩm.

**154**. Tùy theo địa hình cao hay thấp có thể luân canh cây trồng cạn với cây trồng ………. và tạo thành các hình thức luân canh khác nhau.

**155**. Trồng xen là khi trồng 2 hoặc hơn 2 cây cùng với nhau, mỗi cây cần có đủ ……..để có thể hợp tác tốt nhất và giảm thiểu cạnh tranh giữa chúng.

**156**. ……….. là trồng cây thứ hai vào giai đoạn cuối của cây trồng thứ nhất khi cây trồng thứ nhất giảm diện tích lá.

**157**. ………. hỗn hợp là trồng 2 hoặc hơn 2 cây cùng với nhau nhưng không phân biệt thành hàng.

**158**. Trồng …………. một loại cây trồng trong cùng một thời vụ trên cùng một mảnh đất.

**159**...………… luân canh là thời gian các cây trồng trong một công thức hoặc các công thức trong hệ thống luân canh được trồng trên đồng ruộng.

**Chương III. Đại cương về cây trồng**

**I. Chọn phương án đúng *(khoanh tròn vào đáp án đúng)***

**160. Nhiệt độ tối thiểu để cây ngô sinh trưởng và phát triển là bao nhiêu?**

a. 20C b. 30C

c. 50C d. 100C

**161. Đậu tương là cây có khả năng cố định Nitơ của khí quyển thông qua?**

a. Hoa b. Lá

c. Thân d. Nốt sần ở rễ

**162. Nhiệt độ cho cây mía sinh trưởng và phát triển thuận lợi là bao nhiêu?**

a. 10 – 150C b. 15 – 200C

c. 20 – 250C d. 25 – 300C

**163. Thời kỳ đẻ nhánh, nhiệt độ thích hợp cho cây mía sinh trưởng và phát triển là bao nhiêu?**

a. 10 – 150C b. 15 – 200C

c. 20 – 300C d. > 300C

**164. Trong suốt chu kỳ sinh trưởng, cây mía cần bao nhiêu thời gian chiếu sáng?**

a. 1500 – 2000 giờ b. 2000 – 3000 giờ

c. 3000 – 4000 giờ d. > 4000 giờ

**165. Lượng mưa thích hợp cho cây mía sinh trưởng và phát triển là bao nhiêu?**

a. 1200 – 1400 mm/năm b. 1500 – 2000 mm/năm

c. 2100 – 2400 mm/năm d. > 2500 mm/năm

**166. Độ pH thích hợp cho cây mía sinh trưởng và phát triển là bao nhiêu?**

a. < 5 b. 5,5 – 7,5

c. 7, 5 – 8 d. > 8

**167. Cây cam quýt chết ở nhiệt độ bao nhiêu?**

a. -50C b. 00C

c. 20C d. 50C

**168. Nhiệt độ thích hợp cho cây nhãn sinh trưởng và phát triển là bao nhiêu?**

a. 15 – 200C b. 21 – 270C

c. 28 – 300C d. >300C

**169. pH thích hợp cho cây xoài sinh trưởng và phát triển là bao nhiêu**?

a. < 5 b. 5,5 – 7

c. 7 – 8 d. > 8

**170. Dứa bị cháy lá, vỏ quả ở nhiệt độ bao nhiêu?**

a. 280C b. 290C

c. 300C d. > 320C

**171. Cây nào sau đây là cây 1 lá mầm?**

a. Xoài b. Khoai lang

c. Sắn d. Lúa

**172. Rễ cây nào phát triển thành củ?**

a. Lúa b. Ngô

c. Dứa d. Sắn

**173. Nốt sần ở rễ của cây nào có khả năng cố định đạm?**

a. Sắn b. Ngô

c. Cây họ đậu d. Xoài

**174. Cây khoai lang có những loại rễ nào?**

a. Rễ con b. Rễ củ

c. Rễ nữa chừng d. Cả 3 phương án trên

**175. Trong lá và củ cây nào có chứa độc tố HCN?**

a. Lúa b. Sắn

c. Ngô d. Khoai lang

**176. Câu nào có thân bò hoặc leo?**

a. Lúa b. Ngô

c. Khoai langd. Sắn

**177. Phần nào của củ sắn chiếm phần lớn trọng lượng củ?**

a. Vỏ ngoài b. Vỏ trong

c. Thịt củ d. Lõi củ

**178. Về mặt dinh dưỡng thì cây nào được xem là “Hoàng hậu” của các loại quả?**

a. Dứa b. Nhãn

c. Cam d. Xoài

**179. Ở xoài thời gian tốt nhất để nhụy tiếp nhận hạt phấn là lúc nào?**

a. Nữa buổi sáng b. Lúc mặt trời mọc

c. Giữa trưa d. Cuối buổi chiều

**180. Nốt sần hữu hiệu ở cây họ đậu khi cắt ra có màu gì?**

a. Xanh b. Tím

c. Đen d. Hồng

**181. Khô dầu đậu tương chiếm bao nhiêu phần trăm giá trị thức ăn có đạm của chăn nuôi?**

a. 50% b. 60%

c. 70% d. 80%

**182. Nguyên liệu chính của ngành công nghiệp chế biến đường là?**

a. Sắn b. Khoai lang

c. Míad. Khoai tây

**183. Nhiệt độ thích hợp cho cây mía trong thời kỳ từ lúc đặt hom đến mọc mầm thành cây con là bao nhiêu?**

a. 10 – 150C b. 15 – 200C

c. 20 – 250Cd. 25 – 300C

**184. Thời kỳ mía làm dóng vươn cao, nhiệt độ thích hợp cho cây sinh trưởng và phát triển là bao nhiêu?**

a. 15 – 200C b. 20 – 300C

c. 30– 320Cd. > 350C

**185. Phần nào của củ sắn chứa nhiều tinh bột?**

a. Vỏ ngoài b. Vỏ trong

c. Thịt củ d. Lõi củ

**186. Thân cây mía chứa bao nhiêu % nước?**

a. 50 % b. 60 %

c. 65 % d. 70 %

**187. Thời kỳ làm dóng vươn cao, cây mía cần độ ẩm bao nhiêu?**

a. 70 – 80%b. 80 – 85 %

c. 85 – 90 % d. > 90%

**188. Cây cam quýt ngừng sinh trưởng ở nhiệt độ bao nhiêu ?**

a. < 50C b. < 130C

c. 150C d. 170C

**189. Lá nhãn thuộc dạng nào?**

a. Lá đơn b. Lá kép lông chim chẵn

c. Lá kép lông chim lẻ c. Lá kép chân vịt

**190. Nhiệt độ thích hợp cho cây xoài sinh trưởng và phát triển là bao nhiêu?**

a. 15 – 200C b. 20 – 240C

c. 24 – 260Cd. 27 – 300C

**191. Nhiệt độ thích hợp cho cây dứa sinh trưởng và phát triển là bao nhiêu?**

a. 15 – 200C b. 20 – 300C

c. 25 – 300C d. > 300C

**192. Tầng nào ở thân cây sắn bao gồm các mô mềm?**

a. Tầng biểu bì b. Tầng nhu mô vỏ

c. Tầng Libe d. Tầng tế bào hóa gỗ

**193. Cây nào được coi là thịt không xương ở nhiều quốc gia châu Á?**

a. Khoai lang a. Lúa

c. Đậu tương d. Ngô

**194. Ở xoài nhụy đực tung phấn vào lúc nào**

a. 6-7 giờ sáng b. 8-10 giờ sáng

c. 2-3 giờ chiều d. 4-5 giờ chiều

**195. pH thích hợp nhất cho cây dứa sinh trưởng và phát triển là bao nhiêu?**

a. < 4b. 4,5 – 5,5

c. 5,5 – 6 d. 6 – 7

**196. Cây “mạ” là cây con của cây nào?**

a. Lúab. Ngô

c. Sắn d. Đậu

**197. Quả của cây nào thuộc loại quả kép?**

a. Ngô b. Nhãn

c. Dứad. Cà phê

**198. Cây nào có bộ phận thu hoạch được hình thành từ rễ?**

a. Lúa b. Dứa

c. Khoai langd. Ngô

**199. Cây lương thực chính ở Việt Nam là cây nào?**

a. Lúab. Ngô

c. Khoai lang d. Kê

**200. Củ cây nào khi mọc mầm tuyệt đối không nên ăn?**

a. Khoai lang b. Khoai tây

c. Khoai mỡ d. Khoai từ

**201. Cây ngô có những loại rễ nào?**

a. Rễ mầm b. Rễ đốt

c. Rễ chân kiềng d. Cả 3 đáp án trên

**202. Kể tên một số loại sâu bệnh hại chính trên cây khoai lang gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng suất và chất lượng:**

 a. Rầy, bọ xít, sâu xanh, khô vằn b. Bọ hà, sùng, sâu ăn tạp, ghẻ.

 c. Cuốn lá, thối thân, đục thân d. Vàng lá, thối rễ, thối củ.

**203. Liều gây chết người cho người ăn củ sắn có độc tố HCN cho mỗi 50 kg thể trọng là:**

 a. 100mg HCN b. 70 mg HCN c. 50 mg HCN d. 30 mg HCN

**204. Cách chọn hom mía:**

 a. Chọn ruộng ít sâu bệnh, lấy hom thân bỏ ngọn và gốc, mắt mầm khỏe.

 b. Chọn ruộng ít sâu bệnh, lấy hom 30-40 cm.

 c. Lấy hom 2-3 mắt mầm, sạch sâu bệnh.

 d. Hom giống sạch sâu bệnh.

**205. Mục đích của đốn chè tạo hình là:**

 a. Tạo cho cây chè có nhiều cành cơ bản, khung tán rộng

 b. Tỉa định cây, tạo tán.

 c. Phòng trừ sâu bệnh hại.

 d. Tạo năng suất cao.

**206. Cây trồng nào sau đây cần chăm sóc tốt sau thu hoạch:**

 a. Chè, cà phê. b. Đậu tương. c. Khoai lang d. Sắn và lúa

**207. Hạt đậu tương chứa các thành phần chủ yếu sau:**

 a. Xơ và protein b. Lipit, Hyđratcacbon, khoáng

 c. Lipit, Hyđratcacbon, vitamin d. Prôtein, Lipit, Hyđratcacbon

**208. Cây xoài xử lý ra hoa sớm có tác dụng như thế nào với người trồng trọt?**

 a. Bảo vệ hoa và trái non

 b. Tránh ruồi đục quả

 c. Tránh tình trạng vào vụ thu hoạch rộ bị rớt giá

 d. Hạn chế điều kiện thời tiết bất thuận.

**209. Tỉa chồi cho cây dứa có tác dụng:**

 a. Tạo điều kiện ra nhiều chồi. b. Hạn chế tranh chấp dinh dưỡng của quả.

 c. Tăng năng suất quả. d. Hạn chế phát sinh quả nhiều.

**II. Phần đúng, sai**

**210**. Đậu tương là cây họ đậu có khả năng cố định Nitơ của khí quyển thông qua nốt sần ở rễ.

**211**. Cây mía là nguyên liệu quan trọng của ngành chế biến đường trên thế giới và là nguồn nguyên liệu duy nhất của nước ta.

**212**. Cà phê là cây công nghiệp ngắn ngày, mật độ và khoảng cách trồng ảnh hưởng tới sinh trưởng và phát triển của vườn ươm cây trong một thời gian dài.

**213.**Chồi dứa cần tỉa bỏ trước hết là chồi ngọn và chồi cuống vì những chồi này không dùng làm giống.

**214**. Lá nhãn là lá đơn mọc cách

**215**. Lá khoai lang là lá không xẻ thùy.

**216**. Các giống cam quýt của Việt Nam rất nhiều hạt.

**217**. Xoài là cây không kén đất, có thể trồng trên đất có độ pH 5,5 – 6,5.

**218**. Cây mía thu hoạch hàng năm nhưng để mía gốc nhiều năm.

**219**. Chính phẩm của cây mía công nghiệp là bã mía.

**220**. Khoai lang là cây thân thảo dạng bò hoặc leo.

**221**. Bênh chồi rồng xuất hiện nhiều trên cây nhãn và sắn.

**222**. Cây chè là cây công nghiệp lâu năm và có chu kỳ kinh tế dài.

**223**. Cà phê là loại thức uống cao cấp của nhiều nước trên thế giới.

**224.** Hoa đực của cây ngô gọi là bắp ngô.

**225**. Đối với cà phê kiến thiết cơ bản và vườn cà phê cưa đốn phục hồi phải tiến hành trồng dặm những cây chết, sinh trưởng quá kém.

**225.** Cây xoài được nhân giống bằng nhiều phương pháp như gieo hạt, chiết cành, ghép,…nhưng phổ biến nhất vẫn là phương pháp ghép .

**227.**Cam quýt từ khi ra hoa đến thu hoạch khoảng 8-10 tháng, tùy theo giống, phương pháp nhân giống, tuổi cây, tình trạng sinh trưởng.

**228.** Cây xoài được nhân giống bằng nhiều phương pháp như gieo hạt, chiết cành, ghép,…nhưng phổ biến nhất vẫn là phương pháp ghép.

**229.** Cây dứa thích ánh sángtán xạ.

**230**. Cây mía thuộc nhóm cây công nghiệp dài ngày.

**231**. Cây đậu tương thuộc nhóm cây công nghiệp ngắn ngày

**232**. Cà phê là một loại nước uống cao cấp được sử dụng rộng rãi ở số ít các nước trên thế giới, bổ với con người (Cafein 0,8 – 3%).

**233.** Nhãn là cây ưa ánh sáng yếu, nếu bị rợp cây cho ít trái, chỉ những cành nhận đầy đủ ánh nắng mới cho trái tốt.

**234.**Trong đậu tương có chứa hàm lượng Protein rất cao 35 –40% và Lipit biến động 12 – 24% tuỳ theo giống.

**235**. Hướng sử dụng chính của cây lúa gạo ở Việt Nam là thực phẩm.

**236**. Rễ chính của cây mía là rễ sơ sinh.

**237**. Dứa là cây ưa ánh sáng mạnh.

**238**. Ngô là cây giao phấn chéo.

**239**. Các phụ phẩm của nhà máy chế biến đường bao gồm: bột giặt, mỳ chính, kẹo, rỉ mật và bùn lọc.

**240**. Bệnh chồi rồng có nhiều trên cây xoài, cam và quýt.

**241**. Hướng sử dụng của cây sắn chính ở Việt Nam là lương thực cho người.

**242**. Cam quýt từ khi ra hoa đến thu hoạch khoảng 2,5 – 3 năm.

**243**. Cây xoài là cây thân thảo.

**244.** Bệnh ghẻ loét cam chanh thường gặp trên cây cam quýt.

**245**. Giá trị kinh tế chủ yếu của cây đỗ tương được quyết định bởi các thành phần chứa trong hạt đậu tương, trong đó chất khoáng thành phần chính và quan trọng nhất.

**246**. HL - 2 là tên giống khoai lang ở Miền Tây.

**247**. Cây đậu tương có có khả năng tự tổng hợp đạm khí quyển thành đạm dễ tiêu cung cấp cho cây và cải tạo đất.

**248**. Hướng sử dụng sắn chính ở Việt Nam là làm thực phẩm cho con người.

**249.**Cam quýt từ khi ra hoa đến thu hoạch khoảng 8-10 tháng, tùy theo giống, phương pháp nhân giống, tuổi cây, tình trạng sinh trưởng.

**Phần III. Phần điền khuyết**

**250.** ……………và ***………..***là hai yêu cầu quan trọng nhất đối với đất trồng dứa.

**251.** Đối với dứa, lượng mưa phân bố hàng tháng khoảng***…………***được coi là đầy đủ, không cần tưới thêm.

**252.** Giống dứa Tây Ban Nha chịu chua***……….***giống dứa Cayenne.

**253.** Đậu tương là cây có khả năng cố định***………..***của khí quyển thông qua nốt sần ở rễ.

**254.** “Mạ” là cây con của cây***………..***

**255**. Năng suất mía gốc nếu được chăm sóc tốt thường cao hơn vụ …..

**256**. Dứa là cây ăn quả nhiệt đới, ưa nhiệt độ …..

**257**. Các giống mía Roc đang được trồng ở Việt Nam có nguồn gốc từ …………...

**258**. Cam sành có đặc điểm là trái hơi tròn, vỏ trái dày, sần sùi, thịt trái màu cam, khá nhiều nước, ngon ngọt và nhiều ……..

**259.**Cà phê là cây lâu năm, …………. và khoảng cách trồng ảnh hưởng tới sinh trưởng và phát triển của vườn ươm cây trong một thời gian dài

**260.** Giống dứa Cayenne chịu lạnh***………………..*** các giống dứa địa phương.

**261.** Ngô là thực vật ngày***……….***

**262. *…………***là nguyên liệu chính của ngành công nghiệp chế biến đường.

**263.** Rễ lúa mọc trên mặt đất gọi là rễ………….

**264.** Cây lúa là cây ………phấn

**265.** Cây cà phê là cây……………phấn bắt buộc.

**266**. Giống nhãn …… là giống có nguồn gốc ở [Vũng Tàu](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C5%A9ng_T%C3%A0u), tỉnh [Bà Rịa-Vũng Tàu](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%A0_R%E1%BB%8Ba_-_V%C5%A9ng_T%C3%A0u).

**267**. Xoài ….. là giống trồng phổ biến ở Hòa Lộc - Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**268**. Hướng sử dụng chính của cây bắp ở Việt Nam là làm thức ăn cho ………….

**269**. ………… là quốc gia trồng nhiều khoai lang nhất thế giới ( khoảng 80% sản lượng).

**Chương IV. Chăn nuôi đại cương**

**Phần I. Chọn phương án đúng**

**270. Nhược điểm của các giống nguyên thủy là;**

 a. Tầm vóc nhỏ, khả năng sinh trưởng – phát dục chậm,

 b. Tầm vóc nhỏ, thành thục muộn, sinh sản ít, sức sản xuất thấp.

 c. Tầm vóc nhỏ, sinh trưởng – phát dục chậm, sinh sản ít, sức sản xuất thấp

 d. Tầm vóc nhỏ, sức sản xuất thấp

**271. Giống quá độ là gì?**

 a. Là những giống được thông qua quá trình chọn lọc.

 b. Giống được hình thành khi trình độ khoa học kỹ thuật bắt đầu phát triển.

 c. Là những giống được chọn lọc bước đầu có ý thức của con người

 d. cả a, b và c.

**272. Nhược điểm của giống quá độ là gì?**

 a. Đặc trưng ngoại hình chưa rõ nét, tính di truyền bảo thủ còn lớn.

 b. Sức sản xuất chưa cao, hướng sản xuất chủ yếu vẫn là kiêm dụng.

c. Sức sản xuất chưa cao, đặc trưng ngoại hình chưa rõ nét, tính di truyền bảo thủ còn lớn, hướng sản xuất chủ yếu vẫn là kiêm dụng.

d. Đặc trưng ngoại hình rõ nét.

**273. Giống gây thành là gì?**

a. Là những giống được hình thành trong điều kiện kinh tế – xã hội và khoa học kỹ thuật phát triển.

b.Là những giống được hình do kết quả chọn giống nhân giống bằng các phương pháp và kỹ thuật tiến.

c. Là những giống được hình thànhtheo một kế hoạch cụ thể được định trước trong điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc thích hợp.

 d. Cả a, b và c

**274. Công tác giống vật nuôi là gì?**

 a. Là nâng cao sức sản xuất và các phẩm chất di truyền của vật nuôi.

 b. Là tập hợp các biện pháp kỹ thuật nhằm nâng cao sức sản xuất của vật nuôi.

c. Là tập hợp tất cả các biện pháp kỹ thuật nhằm nâng cao sức sản xuất và các phẩm chất di truyền của vật nuôi.

 d. Là tập hợp các yếu tố di truyền tốt nhất cho thế hệ sau.

**275. Mục đích của công tác giống là gì?**

 a. Hoàn thiện nâng cao phẩm chất của các giống vật nuôi hiện tại

 b. Tạo ra các giống mới có năng suất và phẩm chất cao hơn.

c. Tạo năng suất cao nhất

d. Hoàn thiện nâng cao phẩm chất của các giống vật nuôi hiện có và tạo ra các giống mới có năng suất và phẩm chất cao hơn.

**276. Trong công tác giống vật nuôi có 3 khâu chủ yếu, có quan hệ mật thiết, hỗ trợ bổ sung lẫn nhau, đó là:**

 a. Chọn lọc, chọn phối và nhân giống.

 b. Lai tạo, chọn phối và nhân giống.

 c. Ghép đôi, chọn phối và nhân giống.

 d. Chọn lọc, chọn phối và đánh giá giống.

**277. Ưu điểm của giao phối không đồng huyết?**

 a. Tăng khả năng sinh sản

b. Tăng mức độ dị hợp tử

c. Tăng khả năng thích nghi

d. Tăng khả năng sản xuất

**278. Đặc điểm của chọn phối theo tuổi là gì?**

 a. Căn cứ vào tuổi của vật nuôi F1.

 b. Dựa vào tuổi của các cá thể đực và cái để tiến hành ghép đôi

 c. Dựa vào tuổi của bố mẹ con vật.

 d. Dựa vào tuổi của đàn con ở thế hệ F3.

**279. Ưu điểm của chọn phối theo tuổi là gì?**

 a. Con khỏe, củng cố các tính trạng không mong muốn.

 b. Củng cố các tính trạng di truyền của thế hệ trước.

 c. Di truyền các tính trạng tốt cho đời con.

d. Bào thai có sức sống cao, đời con khoẻ mạnh và sức sản xuất cao.

**280. Ngành chăn nuôi cung cấp cho con người các loại thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao như:**

a. Thịt, sữa, trứng b. Thịt, sữa, trứng và các sản phẩm chế biến.

c. Thịt, sữa, rau củ quả d. Thịt, sữa, trứng, phụ phẩm

**281. Ngành chăn nuôi thúc đẩy các ngành khác phát triển như:**

 a. Công nghiệp nhẹ b. Công nghiệp nặng

 c. Công nghiệp thủy sản d. Công nghiệp chế biến

**282. Ngành chăn nuôi cung cấp các nguyên liệu cho công nghiệp như…. để sản xuất ra các mặt hàng tiêu dùng và xuất khẩu có giá trị.**

 a. Da, lông, sừng, móng b. Da, lông, sừng, thịt

 c. Da, lông, sừng, móng, thịt, trứng, sữa. d. Da, thịt, trứng, móng

**283. Lipit có nhiều trong các nhóm thực vật sau:**

 a. Cây rau xanh b. Thực vật có màu

 c. Hạt cây có dầu d. Bí đỏ, cà chua, cà rốt.

**284. Nhu cầu về nước cho vật nuôi phụ thuộc vào:**

 a. Loại thức ăn và đặc điểm của vật nuôi.

 b. Điều kiện khí hậu thời tiết, giai đoạn nuôi dưỡng chăm sóc.

 c. Cả a và b

 d. Trạng thái sinh lý của cơ thể, khả năng sản xuất của vật nuôi

**285. Vai trò của Ca với vật nuôi là gì?**

 a. Duy trì hoạt động của hệ thần kinh, cấu tạo xương.

b. Điều hoà hoạt động của tim và tham gia vào quá trình đông máu

c. Cả a và b đều đúng

d. Tham gia cấu tạo xương, điều hòa các quá trình trao đổi chất trong cơ thể.

**286. Vật nuôi còn non thiếu Ca, P sẽ ảnh hưởng chủ yếu như thế nào?**

 a. Còi xương. b. Nhuyễn xương và một số bệnh khác.

 c. Chậm lớn. d. Sinh sản ít.

**287. Vật nuôi già thiếu Ca, P sẽ ảnh hưởng chủ yếu như thế nào?**

 a. Nhuyễn xương và một số bệnh khác. b. Còi xương.

 c. Chậm lớn. d. Chậm thành thục.

**288. Nguồn bổ sung Ca, P cho vật nuôi là?**

 a. Bột đá vôi, vỏ sò, ốc, hến, bột xương, b. Mono-di-tricanxiphotphat.

 c. Cả a và b d. Bột xương, bột cá, bột thịt.

**289. Căn cứ vào nguồn gốc của thức ăn phân chia thức ăn cho vật nuôi làm mấy loại?**

 a. 7 loại b. 6 loại c. 5 loại d. 4 loại

**290. Căn cứ vào hàm lượng các chất dinh dưỡng của thức ăn phân chia thức ăn cho vật nuôi làm mấy loại?**

 a. 7 loại b. 6 loại c. 5 loại d. 4 loại

**291. Căn cứ vào nguồn dinh dưỡng chủ yếu trong thức ăn phân chia thức ăn cho vật nuôi làm mấy loại?**

 a. 7 loại b. 6 loại c. 5 loại d. 4 loại

**292. Căn cứ vào phản ứng hóa học của thức ăn phân chia thức ăn cho vật nuôi làm mấy loại?**

 a. 4 loại b. 3 loại c. 2 loại d. 1 loại

**293. Để hạn chế bệnh xảy ra đối với vật nuôi trên quy mô chăn nuôi lớn cần:**

 a. Định kỳ kiểm tra chuồng trại. b. Đầu tư trình độ chuyên môn nghiệp vụ

 c. Đầu tư quy trình kỹ thuật cao. d. Kiểm tra chuồng trại thường xuyên

**294. Ưu điểm của các giống nguyên thủy là:**

a. Khả năng thích nghi cao, ít bệnh tật.

b. Thích nghi cao, chịu đựng kham khổ tốt, sức đề kháng cao, ít bệnh tật.

c. Thích nghi cao, sức đề kháng cao, ít bệnh tật.

d. Khả năng thích nghi cao, chịu đựng kham khổ tốt

**295. Nguyên tắc ghép đôi giao phối là:**

 a. Bố tốt, Mẹ tốt + tổ tiên = Con tốt b. Bố tốt + nhiều mẹ tốt = F2 tốt

 c. Bố tốt + Mẹ tốt = Con tốt hơn d. Lý lịch bố tốt +tổ tiên mẹ tốt = F1 tốt hơn

**296. Trong ghép đôi giao phối, đực giống so với cái giống phải như thế nào?**

 a. Tính chống chịu tốt. b. Tốt hơn

 c. Trung bình d. Có khả năng thích nghi cao.

**297. Trong ghép đôi giao phối, những cá thể xuất sắc được sử dụng như thế nào?**

 a. Sử dụng cho một thế hệ . b. Sử dụng cho nhiều thế hệ .

 c. Tăng cường sử dụng những cá thể xuất sắc. d. Sử dụng cho các thể hệ bố mẹ.

**298. Đặc điểm của giao phối đồng huyết là gì?**

 a. Là cho giao phối các cá thể có quan hệ huyết thống với nhau ( dưới 7 đời).

 b. Là cho giao phối các cá thể có quan hệ huyết thống khác xa nhau

c. Là cho giao phối giữa những cá thể đực và cái có quan hệ huyết thống với nhau (dưới 7 đời)

d. Là cho giao phối giữa những không có quan hệ họ hàng gần nhau

**299. Hạn chế của giao phối đồng huyết là gì?**

 a. Tăng mức độ dị hợp tử.

 b. Tăng mức độ đồng hợp tử.

 c. Tăng mức độ biểu hiện các tính trạng tốt.

 d. Tăng mức độ các gen dị hợp.

**300. Giao phối không đồng huyết là gì?**

 a. Ghép đôi giữa những cá thể đực và cái không có quan hệ huyết thống

 b. Ghép đôi giữa những cá thể đực và cái có quan hệ huyết thống

 c. Ghép đôi giữa những cá thể đực và cái có họ hàng xa nhau.

 d. Ghép đôi giữa những cá thể đực và cái họ hàng gần nhau và gần bố mẹ.

**301. Căn cứ vào nguồn gốc xuất thân của con vật, đặc điểm di truyền ở các đời tổ tiên có thể nhận xét được:**

a. Tiềm năng sinh sản của giống. b. Năng suất thương phẩm.

c. Khả năng sinh sản của giống. d. Tiềm năng di truyền của giống.

**302. Thông qua các mối quan hệ huyết thống của các cá thể đực, cái ở các đời khác nhau của tổ tiên con vật để có cơ sở tổ chức ở đời sau khâu nào?**

 a. Chọn phối b Chọn lọc tự nhiên c. Chọn lọc d. Chọn tạo

**303. Ưu điểm của chọn lọc theo tổ tiên con vật là?**

 a. Mức độ ổn định các tính trạng thông quan kiểu hình

 b. Mức độ ổn định kiểu hình qua các đời

 c. Mức độ ổn định di truyền các tính trạng qua các thế hệ

 d. Mức độ tiếp nhận kiểu gen mới

**304. Đặc điểm của chọn lọc bản thân là gì?**

 a. Xem xét sự biểu tính trạng của con vật chọn làm tổ tiên

b. Các đặc tính di truyền của tổ tiên trên chính bản thân con vật được chọn.

c. Các biểu hiện kiểu hình trên thế hệ con

d. Các tính trạng tốt

**305. Chọn lọc vật theo hướng lấy trứng cần đánh giá các tính trạng chủ yếu sau:**

a. Các chỉ tiêu về sức sản xuất trứng, tiêu tốn thức ăn cho một đơn vị sản phẩm.

b. Các chỉ tiêu về sức sản xuất trứng, tiêu tốn thức ăn cho một đơn vị sản phẩm, khối lượng cơ thể, ngoại hình – thể chất...

 c. Khối lượng cơ thể, ngoại hình – thể chất...

 d. Cả a, b và c

**306. Hãy cho biết công thức nào là nhân giồng thuần chủng trong các công thức sau:**

 a. Cái ba xuyên x đực thuộc nhiêu b. Cái móng cái x đực móng cái

 c. Cái Landrat x đực Yorsheir d. Cái móng cái x đực thuộc nhiêu

**307. Nhân giống tạp giao là gì?**

 a. Cho giao phối giữa những cá thể thuộc các giống khác nhau

 b. Cho giao phối giữa những cá thể thuộc các dòng khác nhau

 c. Cho giao phối giữa những cá thể thuộc các loài khác nhau

 d. cho giao phối giữa những cá thể thuộc các họ khác nhau

**308. Mục đích của lai cải tạo là gì?**

 a. Dùng cái giống tốt cho lai cải tạo đực giống của vật nuôi được cải tạo.

 b. Dùng đực giống tốt cho lai cải tạo cái giống của vật nuôi được cải tạo.

 c. Dùng đực giống cao sản cho lai nhiều đời với đàn cái của giống bị cải tạo

 d. Dùng đực giống cao sản cho lai với cái giống có lý lịch bố mẹ tốt.

**309. Lai pha máu là gì?**

 a. Là dùng con đực giống khác một lần để cải tiến một đặc tính nào đó của giống

 b. Là dùng con cái giống khác một lần để cải tiến một đặc tính nào đó của giống.

 c. Là dùng con đời bố mẹ để cải tiến một đặc tính nào đó của giống

 d. Là dùng con cái đời bố mẹ để cải tiến một đặc tính nào đó của giống

**310. Ngành chăn nuôi trên thế giới nhờ áp dụng nhiều tiến bộ KHKT nên đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về các lĩnh vực như:**

 a. Lai tạo giống, nhân giống, gen

 b. Chọn giống, nuôi dưỡng và chăm sóc

 c. Chọn giống, lai giống, kỹ thuật trong nuôi dưỡng, chăm sóc...

 d. Kỹ thuật trong nuôi dưỡng, chăm sóc.

**311. Giống nguyên thủy là gì?**

 a. Là giống được hình thành theo kiểu tự nhiên.

 b. Là giống được hình thành theo cảm hứng, không có mục đích rõ ràng.

 c. Là giống được hình thành tự phát trong điều kiện kém phát triển.

 d. cả a, b và c

**312. Ưu điểm của các giống nguyên thủy là;**

a. Khả năng thích nghi cao, ít bệnh tật.

b. Khả năng thích nghi cao, chịu đựng kham khổ tốt

c. Thích nghi cao, sức đề kháng cao, ít bệnh tật.

d. Thích nghi cao, chịu đựng kham khổ tốt, sức đề kháng cao, ít bệnh tật.

**313. Chọn lọc vật theo hướng lấy thịt cần đánh giá các tính trạng chủ yếu sau:**

 a. Khối lượng hơi, tỷ lệ thịt xẻ, tỷ lệ thịt tinh, chất lượng thịt.

 b. Tốc độ sinh trưởng, khả năng sinh sản, ngoại hình – thể chất.

 c. Chất lượng thịt (thành phần hoá học, màu sắc, độ mềm...),

 d. Cả a, b và c

**314. Chọn lọc vật theo hướng lấy sữa cần đánh giá các tính trạng chủ yếu sau:**

 a. Sản lượng sữa, chất lượng sữa, thời gian cho sữa, khối lượng cơ thể.

 b.Ngoại hình – thể chất, sự phát triển của bầu vú.

 c. Khả năng sinh sản

 d. Cả a, b và c

**315. Chọn lọc vật theo hướng cày kéo cần đánh giá các tính trạng chủ yếu sau:**

 a. Tầm vóc, ngoại hình – thể chất, các chỉ tiêu về khả năng cày kéo.

 b. Sức kéo, tốc độ cày kéo, độ dai sức.

 c. Tầm vóc, ngoại hình – thể chất, các chỉ tiêu về khả năng cày kéo, sức kéo, các chỉ tiêu cày kéo.

 d. Các chỉ tiêu về khả năng cày kéo (sức kéo, tốc độ cày kéo, độ dai sức...).

**316. Đặc điểm của giống là:**

 a.Tập hợp các cá thể hoàn chỉnh và được con người thuần hóa

b. Một tập hợp vật nuôi hoàn chỉnh được hình thành dưới tác động của con người.

c. Tập hợp quần thể hoàn chỉnh được chăm sóc nuôi dưỡng trong điều kiện tối ưu.

d. Tập hợp các quần xã chịu sự giám sát, điều chỉnh của con người.

**317. Đặc điểm của dòng:**

 a. Tập hợp các quần thể vật nuôi trong phạm vi một dòng, cùng huyết thống.

b. Tập hợp các quần xã vật nuôi trong phạm vi một giống, khác huyết thống.

c. Tập hợp các cá thể vật nuôi trong phạm vi một giống.

d. Các cá thể vật nuôi trong phạm vi một giống, có các đặc tính sản xuất riêng

**318. Số lượng các thể của bầy , đàn phụ thuộc vào?**

a. Qui mô, điều kiện vật chất của cơ sở. b. Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng.

c. Khả năng đầu tư kỹ thuật. d. Giống vật nuôi.

**319. Các cá thể khác nhau có biểu hiện khác nhau về:**

 a. Kiểu gen b. Mức độ di truyền c. Kiểu hình d. Tính trạng tương phản.

**320. Đặc điểm của chọn lọc giống vật nuôi là:**

a. Phát hiện và giữ lại những cá thể mang đặc tính tốt, đáp ứng các yêu cầu đề ra

b. Loại thải các cá thể xấu không đạt yêu cầu,

c. Hoàn thiện giống và nâng cao năng suất vật nuôi.

 d. cả a,b và c

**321. Muốn chăn nuôi đạt năng suất cao, mang lại hiệu quả kinh tế lớn thì trước tiên phải có:**

 a. Phương pháp chăn nuôi hiệu quả b. Quy trình chăn nuôi khoa học

 c. Con giống tốt d. Đầu tư các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến nhất.

**322. Số lượng sản phẩm chăn nuôi có thể tăng lên bằng cách:**

 a. Cải thiện ĐK nuôi dưỡng chăm sóc.

b. Nâng cao phẩm chất giống.

 c. Đầu tư tối đa các yêu cầu kỹ thuật.

 d. Cả a, b và c

**323. Để nâng cao phẩm giống và duy trì sức sản xuất ở mức độ cao đòi hỏi công tác giống phải được tiến hành:**

a. Kịp thời và nhanh chóng b. Thường xuyên và có đầu tư cao

c. Liên tục và kịp thời d. Thường xuyên và liên tục

**324. Tất cả các vật nuôi hiện nay đều có nguồn gốc từ:**

a. Châu phi và được con người thuần hóa

b. Thú hoang được con người thuần hóa và nuôi dưỡng

c. Thú rừng được thuần hòa và nuôi dưỡng

d. Tự nhiên và con người thuần hóa, lai tạo

**325. Đặc điểm của loài là:**

a. Các quần thể động vật lớn, khác nhau về các tính trạng hình thái và thể chất.

b. Các quần xã động vật lớn, các tính trạng khác nhau.

c. Các cá thể trong quần thể có mối quan hệ mật thiết với nhau.

d. Các quần thể có mối quan hệ qua lại với nhau.

**326. Đặc điểm của chọn lọc vật nuôi theo đời sau là gì?**

 a. Xác định khả năng di truyền kiểu gen được đánh giá cho đời sau.

 b. Xác định các tính trạng kiểu hình được đánh giá cho đời sau.

 c. Xác định các ưu điểm

d. Xác định các tính trạng di truyền tốt được đánh giá cho đời sau.

**327. Chọn phối ( ghép đôi giao phối) là gì?**

a. Là chọn những con đực và con cái đã được chọn lọc cho giao phối với nhau nhằm thu được đời con có những tính trạng mong muốn.

 b. Là chọn con đực và những con cái đã được chọn lọc theo tổ tiên cho giao phối.

 c. Là chọn con đực và những con cái đã được chọn lọc khác huyết thống

 d. Là chọn những con đực và những con cái đã được lai tạo với nhau.

**328. Chọn lọc bản thân là gì?**

a. Xem xét các đặc tính di truyền của tổ tiên trên chính bản thân con vật được chọn.

b. Là xem xét các đặc tính di truyền của bố mẹ trên chính bản thân con vật

c. Là xem xét các tính trạng kiểu hình trên chính bản thân con vật được chọn.

d. Là xem xét các tính trạng kiểu gen trên chính bản thân con vật được chọn.

**329. Chọn lọc theo đời sau là gì?**

 a. Các tính trạng được xem xét ở đời sau.

 b. Xem xét các tính trạng di truyền tốt của bản thân con vật đánh giá ở đời sau.

 c. Tính trạng kiểu hình của bố mẹ đánh giá ở đời con

 d. Tính trạng kiểu gen di truyền của tổ tiên ở đời sau.

**330. Ở nước ta ngành chăn nuôi cung cấp bao nhiêu tổng sản phẩm nông nghiệp:**

a. 30% b. 40% c. 50% d. 60%

**331. Các phụ phẩm của chăn nuôi cung cấp cho nhiều mục đích khác nhau:**

 a. Bào chế thuốc, làm phân bón cho trồng trọt

 b. Bào chế thuốc, chữa bệnh, chế biến bột xương, làm phân bón

 c. Làm phân bón cho trồng trọt

 d. Bào chế thuốc, chữa bệnh

**332. Để đánh giá con vật người ta xem xét biểu hiện kiểu hình về các mặt:**

 a. Ngoại hình-thể chất, phát triển và sức sản xuất.

 b. Ngoại hình-thể chất, sinh trưởng-phát dục và năng suất.

 c. Ngoại hình-thể chất, sinh trưởng-phát dục và sức sản xuất.

 d. Nòi giống, sinh trưởng-phát dục và sức sản xuất.

**333. Chọn lọc theo tổ tiên là dựa vào hệ phả (lý lịch) để xem xét các đời nào của con vật tốt hay xấu?**

 a. Bố mẹ b. Tổ tiên c. Thế hệ F1 d. Thế hệ F2

**334. Chọn phối theo phẩm chất là gì?**

 a. Là dựa vào đặc điểm của các cá thể đực và cái để ghép đôi.

 b. Là dựa vào đặc điểm của nhiều cá thể để ghép đôi.

 c. Là dựa vào đặc điểm của thế hệ bố mẹ và tổ tiên để ghép đôi.

 d. Là dựa vào đặc điểm của đời con F1 để ghép đôi.

**335. Đặc điểm của chọn phối đồng chất là gì?**

 a. Ghép đôi các cá thể đực và cái có cùng phẩm chất.

 b. Ghép đôi các cá thể đực và cái có những phẩm chất tốt giống nhau

 c. Ghép đôi cá thể đực và cái đời bố mẹ có những phẩm chất tốt giống nhau

 d. Ghéo đôi cá thể đực và cái về lý lịch có những phẩm chất tốt giống nhau

**336. Đặc điểm của chọn phối dị chất là gì?**

 a. Ghép đôi giữa những con đực và con cái có những đặc tính tốt khác nhau.

 b. Ghép đôi giữa con đực và con cái đời bố mẹ có những đặc tính tốt khác nhau.

 c. Ghép đôi giữa những vật nuôi có các tính trạng di truyền khác nhau.

 d. Ghéo đôi các cá thể mang gen khác nhau và có đặc tính tốt.

**337. Mục đích của nhân giống vật nuôi là gì?**

 a. Nhằm đặt được các kiểu gen mong muốn.

 b. Đầu tư quy trình kỹ thuật tối ưu.

 c. Khoa học kỹ thuật được ứng dụng tiên tiến nhất.

 d. Nhằm đạt được các tính trạng phù hợp với yêu cầu của con người.

**338. Vật nuôi thiếu Fe sẽ dẫn đến:**

 a. Thiếu máu, sinh trưởng chậm

 b. Thiếu máu, sinh trưởng chậm, sức sản xuất giảm

 c. Tăng trọng kém, thiếu máu, còi xương

 d. Chậm thành thục, chết yểu.

**339. Nguồn bổ sung Fe vào thức ăn cho vật nuôi là ?**

a. FeCl3 b. FeSO4. c. Fe(OH)3 d. FeBr

**340. Nguồn năng lượng cung cấp chủ yếu trong cơ thể động vật là :**

 a. Các lipit trong thức ăn b. Các protein trong thức ăn

 c. Chất xơ trong thức ăn. d. Đạm trong thức ăn.

**341. Dung môi hoà tan các vitamin A, D, E, K trong cơ thể vật nuôi là :**

 a. Protein b. Xơ c. Đạm d. Lipit

**342. Nhân giống thuần chủng là gì?**

 a. Là cho giao phối giữa các cá thể đực và cái thuộc cùng một giống

 b. Là thu được đời con mang 100% máu của giống đó.

 c. Cả a và b

 d. Là cho giao phối giữa cá thể đực và cái thuộc cùng một giống .

**343. Ưu điểm của lai gây thành là gì?**

 a. Tạo nên một giống mới phối hợp được các đặc tính tốt của các thế hệ lai.

 b. Tạo nên một giống mới phối hợp được các đặc tính tốt của các giống ban đầu.

 c. Tạo nên một giống mới phối hợp được các đặc tính tốt của các con lai.

 d. Tạo nên một giống mới phối hợp được các đặc tính tốt của bố mẹ.

**344. Ưu điểm của lai kinh tế là gì?**

 a. Con lai F1 được sử dụng để nuôi làm giống không dùng nuôi làm sản phẩm.

 b. Con lai F1 được sử dụng để làm giống

 c. Con lai F1 được sử dụng để nuôi lấy sản phẩm

 d. Con lai F1 được sử dụng để nuôi lấy sản phẩm không dùng làm giống.

**345. Đặc điểm của lai luân chuyển là gì?**

 a. Duy trì ưu thế lai những con cái lai F1 trong các thế hệ tiếp theo

 b. Duy trì ưu thế lai những con đực lai F1 trong các thế hệ tiếp theo

 c. Duy trì ưu thế lai những con lai F1 trong các thế hệ tiếp theo

 d. Duy trì ưu thế lai trong các thế hệ tiếp theo

**346. Để xác định nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi người ta dựa vào các yếu tố sau:**

 a. Nhu cầu duy trì, sinh trưởng. b. Nhu cầu cho sản xuất tinh dịch ở đực giống

 c. Nhu cầu cho sản xuất sữa, lao tác. d. Cả a, b và c

**347. Tiêu chuẩn ăn đối với từng loại vật nuôi bao gồm các chỉ tiêu cơ bản là:**

 a. Năng lượng, protein thô hoặc protein tiêu hoá b. Khoáng, vitamin

 c. Cả a và b d. Protein thô hoặc protein tiêu hoá, khoáng, vitamin

**348. Tổ hợp một số lượng thích hợp các loại thức ăn giành cho con vật sử dụng trong một thời gian nhất định (thường là một ngày đêm) gọi là?**

 a. Khẩu phần ăn. b. Phối hợp khẩu phần ăn

 c. Nguyên tắc phối hợp khẩu phần ăn. d. Kỹ thuật phối hợp khẩu phần ăn.

**Phần II. Đúng, sai**

**349**. Nguyên tắc phối hợp khẩu phần ăn cho vật nuôi là cần đảm bảo số lượng đầy đủ các chất khoáng và vitamin.

**350**. Thức ăn cung cấp cho vật nuôi thiếu, chất lượng kém làm cho vật nuôi còi cọc, chậm lớn, dễ mắc bệnh, sức sản xuất giảm, chức năng sinh sản bị rối loạn.

**351**. Thức ăn, nước uống cho vật nuôi phải đảm bảo vệ sinh, sạch, không có các chất độc gây ảnh hưởng đến sức khoẻ.

**352**. Định kỳ thăm khám bệnh cho vật nuôi để phát hiện những con vật nghi ốm và có biện pháp xử lý kịp thời.

**353**. Diện tích chuồng xây dựng cho vật nuôi phải đảm bảo yêu cầu đối với từng loại, từng nhóm gia súc, không quá chật và không quá rộng.

**354**. Ở nước ta chăn nuôi cung cấp khoảng 30% tổng sản phẩm nông nghiệp.

**355**. Đất xây dựng chuồng trại phải thấm nước và có tầng nước ngầm sâu.

**356**. Khu chuồng trại phải xây dựng ở nơi cao hơn khu nhà ở cách xa khu dân cư và đường qua lại.

**357**. Các phụ phẩm của nhà máy chế biến đường bao gồm: bột giặt, mỳ chính, kẹo, rỉ mật và bùn lọc.

**358**. Tắm chải cho vật nuôi có tác dụng làm cho da sạch sẽ, thực hiện đầy đủ các chức năng, mặt khác kích thích lên các đầu dây thần kinh ở da và loại trừ được các ký sinh trùng ngoài da.

**Phần III. Điền khuyết**

**359**. Nơi ................ chuồng trại phải tương đối cao, khô ráo, dễ thoát nước.

**360**. ……… là chọn những con đực và những con cái đã được chọn lọc cho giao phối với nhau nhằm thu được đời con có những tính trạng mong muốn.

**361**. Đối với vật nuôi lấy trứng: Cần xem xét các chỉ tiêu về sức sản xuất …., tiêu tốn thức ăn cho một đơn vị sản phẩm, khối lượng cơ thể, ngoại hình – thể chất.

**362**. Ngành ..... cung cấp cho con người các loại thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao như: thịt, sữa, trứng và các sản phẩm chế biến.

**363**. Công tác giống là ….. tất cả các biện pháp kỹ thuật nhằm nâng cao sức sản xuất và các phẩm chất di truyền của vật nuôi.

**364**. Ngành chăn nuôi cung cấp cho con người các loại thực phẩm có giá trị ....... cao như: thịt, sữa, trứng và các sản phẩm chế biến.

**365**. Trong các yếu tố của ngoại cảnh thì ……. có ảnh hưởng lớn đến sức khoẻ vật nuôi

**366**. Nước uống cho vật nuôi phải được cung cấp đầy đủ và đảm bảo ...........

**367**. Vật nuôi ………… hợp lý sẽ tăng cường quá trình tiêu hoá, hấp thu thức ăn, quá trình hô hấp, tuần hoàn máu, tăng cường trao đổi chất, nâng cao sức khoẻ.

**368**………….là tổ hợp một số lượng thích hợp các loại thức ăn giành cho con vật sử dụng trong một thời gian nhất định (thường là một ngày đêm).

**369**. **……….** không những ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khoẻ, làm giảm khả năng sản xuất của vật nuôi mà đôi khi còn dẫn đến tử vong, thậm chí gây chết hàng loạt.

**370**. Trong các yếu tố của ngoại cảnh thì ….. có ảnh hưởng lớn đến sức khoẻ vật nuôi nhiều nhất.